

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST.
Ngày: 18/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ
Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST – DS ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/9/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn L trình bày:

Vào ngày 13/01/2022 đương lịch ông có ký kết hợp đồng mua bán lúa với ông Nguyễn Đ, giống lúa ST24-ST25, một ký 7.900 đồng lọt lòng ghe, số lượng 100 tấn, hai bên thỏa thuận ngày cắt từ 12 đến 18 tháng 01 năm 2022, cắt xong 24 giờ mới cân, giao lúa tại xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ông đã đặt cọc cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng. Nếu đến ngày cân bên ông không cân lúa thì mất tiền cọc, còn bên bán không chịu cắt lúa và không cân lúa thì phải bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc. Hai bên có lập hợp đồng mua bán đề ngày 13/01/2022 vừa đánh máy vừa viết tay, ông và ông Đ ký tên vào hợp đồng. Sau đó ông Đ không có giao lúa ở xã L theo như hợp đồng đã thỏa thuận, kêu ông nhận lúa tại ấp H của huyện P, Bạc Liêu, giao giống lúa ST24, ông cũng đồng ý

nhận nhưng lúa không đảm bảo chất lượng, còn hơi xanh và hơi dơ nên ông có thỏa thuận kêu bớt mỗi ký 100 đồng ông cũng chịu nhận nhưng lại không bớt, với lại kêu giao cho ông chỉ có 140 bao lúa không đủ số lượng để chở đầy ghe nên ông không nhận. Sau đó ông Đ có làm tờ cam kết ngày 23/12/2022 âm lịch cam kết trả lại cho ông số tiền cọc là 30.000.000 đồng trả hai lần rồi sau đó mới trả số tiền bồi thường cọc 30.000.000 đồng vào ngày 20/02/2023. Tuy nhiên, sau khi viết cam kết thì ông Đ lại không có trả tiền cho ông luôn.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Đ có trách nhiệm trả cho ông số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc cho ông là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu ông Đ trả là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Còn ông Đ xin số tiền bồi thường cọc và xin được trả dần số tiền đặt cọc mỗi tháng 5.000.000 đồng là ông không đồng ý.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2023 bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:

Đúng là ông có làm hợp đồng mua bán lúa với ông Nguyễn L như ông L trình bày, hai bên có lập hợp đồng mua bán đề ngày 13/01/2022 vừa đánh máy vừa viết tay, ông và ông L ký tên vào hợp đồng. Thỏa thuận giao lúa tại xã L nhưng sau đó thì ông không gom lúa được tại đây nên có nói với ông Lượng Em thỏa thuận giao lúa tại huyện P, Bạc Liêu cho ông L nhận, lúa vẫn đảm bảo chất lượng nhưng ông L không chịu nhận. Sau vụ lúa thì ông có viết tờ cam kết lập ngày 23/12/2022 âm lịch giao cho ông L giữ hứa trả lại số tiền cọc và tiền bồi thường cọc nhưng do ông mua lúa đưa tiền cọc cho người khác thì người khác đã lấy tiền cọc của ông nên ông không có tiền trả lại cho ông L.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2023 ông yêu cầu được trả lại cho ông L số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, số tiền bồi thường thì xin phần này vì ông cũng bị người khác lấy tiền cọc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đ trả số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng và số tiền bồi thường tiền cọc 30.000.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Đ nhất trả số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng, còn số tiền bồi thường cọc thì cho ông xin, không phải trả. Hội đồng xét xử nhận thấy,

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ông L có đặt cọc cho ông Đ số tiền mua lúa 30.000.000 đồng. Quá trình giao dịch lúa thì ông Đ không có giao

lúa cho ông L đúng số lượng và địa điểm giao lúa đã thỏa thuận nên các bên đã phát sinh không thực hiện hợp đồng mua bán lúa và ông Đ thừa nhận còn nợ ông L số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng; ngày 23/12/2022 âm lịch ông Đ có viết tờ cam kết có hứa trả tiền cho anh Nguyễn L số tiền cọc 30.000.000 đồng và số tiền bồi thường cọc 30.000.000 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Căn cứ vào khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Cho nên nguyên đơn ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ trả lại số tiền cọc và bồi thường tiền cọc là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Việc bị đơn ông Đ xin phần tiền cọc và xin trả dần số tiền cọc mỗi tháng 5.000.000 đồng vì ông cũng bị người khác lấy tiền cọc nhưng nguyên đơn ông L không đồng ý cho ông Đ số tiền bồi thường cọc cũng như không đồng ý cho ông Đ trả dần số tiền cọc mỗi tháng 5.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đ phải chịu là $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn ông L được chấp nhận. Nguyên đơn ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Đ trả số tiền đặt cọc và bồi thường tiền cọc.

Buộc ông Nguyễn Đ trả cho ông Nguyễn L số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ khi ông L yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Đ còn phải trả lãi cho ông L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Ông Nguyễn L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006588 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng